

Số: 2170 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 26 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 44/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 361/TTr-SNNMT ngày 26/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

1. Thay thế toàn bộ ý II, mục A - Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố tại Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực biển và hải đảo; danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi, kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, địa chất và khoáng sản, thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Thay thế toàn bộ ý III, mục B - Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực giảm nghèo, môi trường, trồng trọt, bảo vệ thực vật, biển và hải đảo, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức xây dựng, hoàn thiện các quy trình nội bộ thực hiện các thủ tục hành chính tại Điều 1; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP; Bộ NN&MT;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- TTTU; TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PVP UBND TP;
- TT BC&TT TP HP, CĐ ANHP;
- Các Phòng: KSTTHC, NNTN&MT;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, KSTTHC5.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Minh Cường

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BỎ LỖ LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO, THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
*(Kèm theo Quyết định số: **2170** /QĐ-UBND ngày **26/6** /2025 của Chủ tịch UBND thành phố)*

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (21 TTHC)

1. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (14 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết		Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Sở NNMT	UBND TP			Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
I. Lĩnh vực biển và hải đảo (14 TTHC)											
1	1.005401	Giao khu vực biển	52 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
2	1.004935	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	37 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
3	1.005399	Trả lại khu vực biển	27 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả	- Các Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; số	

					công thành phố				kết quả	136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2298/QĐ- BNNMT ngày 23/6/2025.	
4	1.005400	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển	37 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ- CP ngày 12/3/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2298/QĐ- BNNMT ngày 23/6/2025.	
5	1.009481	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh	17 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ- CP ngày 12/3/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2298/QĐ- BNNMT ngày 23/6/2025.	
6	1.005189	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển	68 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ- CP ngày 12/3/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2298/QĐ- BNNMT ngày 23/6/2025.	
7	2.000472	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	54 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ- CP ngày 12/3/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2298/QĐ- BNNMT ngày 23/6/2025.	

8	1.000969	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	39 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
9	1.000942	Trả lại giấy phép nhận chìm	54 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
10	2.000444	Cấp lại giấy phép nhận chìm	24 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
11	3.000435	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	200 ngày làm việc	50 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Điều 4 TT số 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của BTC		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25/6/2015 - Các Nghị định: số 41/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024. - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.

12	3.000436	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	100 ngày làm việc	35 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Điều 4 TT số 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của BTC		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25/6/2015 - Các Nghị định: số 41/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024. - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
13	3.000437	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Điều 4 TT số 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của BTC		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25/6/2015 - Các Nghị định: số 41/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024. - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
14	3.000438	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Điều 4 TT số 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của BTC		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25/6/2015 - Các Nghị định: số 41/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024. - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.

2. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường (02 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
I. Lĩnh vực biển và hải đảo (02 TTHC)										
1	1.000705	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc các văn bản yêu cầu		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 294/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016; Thông tư số 55/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018; Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Thông tư: số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016; số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023; - Quyết định số 1003/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025. - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
		Dữ liệu đơn giản	05 ngày làm việc							
		Dữ liệu phức tạp	20 ngày làm việc							
		Dữ liệu quá phức tạp	35 ngày							

			làm việc							
2	1.005181	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử	35 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 294/2016/TT- BTC ngày 15/11/2016; Thông tư số 55/2018/TT- BTC ngày 25/6/2018; Thông tư số 74/2022/TT- BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Thông tư: số 20/2016/TT- BTNMT ngày 25/8/2016; số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023; - Quyết định số 1003/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025. - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
		Dữ liệu đơn giản	05 ngày làm việc							
		Dữ liệu phức tạp	20 ngày làm việc							
		Dữ liệu quá phức tạp	35 ngày làm việc							

3. Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã (05 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
I. Lĩnh vực biển và hải đảo (05 TTHC)										
1	3.000439	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	29 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định			Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định: số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
2	3.000440	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	24 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định			Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định: số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
3	3.000441	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	39 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định			Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định: số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
4	3.000442	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	24 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định			Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định: số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; số

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
				chính công cấp xã					131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
5	3.000443	Công nhận khu vực biên cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	14 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định: số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	